

MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH QUẢNG NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2050

● NGUYỄN NHƯ CÔNG - NGUYỄN VĂN VIÊN - LÊ QUANG HẢO

TÓM TẮT:

Sau đại dịch Covid-19 và bối cảnh khủng hoảng toàn cầu như hiện nay, kinh tế Quảng Nam vẫn đang đối diện với nhiều thách thức. Để có thể vượt qua giai đoạn khó khăn này, thời gian qua, tỉnh Quảng Nam đã thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ, quyết liệt tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ Chính phủ giao trong bối cảnh thích ứng an toàn, linh hoạt. Bài viết này đề xuất một số giải pháp chính phát triển kinh tế tỉnh Quảng Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

Từ khóa: phát triển kinh tế, tỉnh Quảng Nam.

1. Những thành tựu ấn tượng và khó khăn, thách thức trong tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Nam thời gian qua

1.1. Những thành tựu ấn tượng

Giai đoạn trước khủng hoảng dịch bệnh Covid-19, kinh tế Quảng Nam đã đạt tăng trưởng rất cao, do những ngành kinh tế trụ cột của tỉnh cũng là những ngành tăng trưởng nhanh nhất, thúc đẩy mạnh cho tăng trưởng chung. Giai đoạn 2016 - 2019: trong bối cảnh kinh tế Việt Nam phát triển thuận lợi, kinh tế Quảng Nam đã nối tiếp xu hướng tăng trưởng nhanh của giai đoạn 2011 - 2015. Tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt bình quân 8,9%/năm, cao hơn bình quân chung của cả nước (6,78%/năm).

Tuy nhiên, đến đầu năm 2020, cuộc khủng hoảng Covid-19 gây ra làm “đứt gãy” các chuỗi cung ứng của các ngành sản xuất, dẫn đến tình trạng ngừng hoạt động của các dịch vụ như giao thông vận tải, du lịch, nghỉ dưỡng, vì vậy kinh tế

Quảng Nam bị ảnh hưởng nặng nề, GRDP của nhiều ngành kinh tế tăng trưởng âm. Cụ thể, năm 2020, tăng trưởng kinh tế Quảng Nam sụt giảm - 5,5%; trong đó ngành Dịch vụ có mức giảm mạnh nhất, -8,15%, ngành Công nghiệp - Xây dựng giảm -3,27%. Ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp vẫn duy trì được sản xuất ổn định, đạt tăng trưởng 3,64%. Sự suy giảm tăng trưởng GRDP năm 2020 đã dẫn đến tăng trưởng GRDP bình quân của giai đoạn 2016 - 2020 chỉ đạt khoảng 5,8%/năm, thấp hơn so với cả nước (6,0%/năm) và thấp hơn nhiều so với mục tiêu tăng trưởng kinh tế khoảng 10,0% - 10,5%/năm được đề ra trong Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch Phát triển tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Bước qua năm 2021, Việt Nam tiếp tục phải thực hiện các biện pháp giãn cách nghiêm ngặt để phòng chống dịch bệnh, ảnh hưởng lớn đến các

hoạt động kinh tế - xã hội (KT-XH), tăng trưởng kinh tế cả năm chỉ đạt 2,56%; mức thấp nhất của nhiều thập niên. Trong bối cảnh này, Quảng Nam đã triển khai nhiều biện pháp khắc phục khó khăn, duy trì tăng trưởng. Kết quả tăng trưởng GRDP đạt 5,1% cao hơn nhiều bình quân cả nước, trong đó ngành Công nghiệp tăng trưởng 9,1%; bù đắp được sự suy giảm tăng trưởng của khu vực dịch vụ (chỉ tăng 0,4%).

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, ban hành Chương trình công tác năm 2022 tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2022; triển khai thực hiện các Thông báo số 135/TB-VPCP ngày 06/5/2022 và Thông báo số 1330/TB-TTKQH ngày 08/8/2022 tại các buổi làm việc của Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Quốc hội với tỉnh Quảng Nam; đồng thời, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phục hồi và phát triển KT-XH năm 2022 theo chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy và đạt nhiều kết quả tích cực. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2022 đạt 69.110 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), tăng 11,2%, cao hơn so với năm 2021 (5,04%), vượt chỉ tiêu Nghị quyết Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao đầu năm (7,5-8%); đứng vị thứ 11/63 tỉnh, thành so với cả nước; 04/14 tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung; 02/5 tỉnh, thành phố Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Quảng Nam nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành có tỷ lệ đóng góp về Ngân sách Trung ương cao nhất cả nước (tỷ lệ điều tiết ngân sách về Trung ương năm 2023 18%).

Năm 2023, KT-XH mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức và những hạn chế bất cập nội tại kéo dài của nền kinh tế, nhưng Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã tập trung lãnh đạo, điều hành chủ động, kịp thời, linh hoạt, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra; cùng với sự đoàn kết, nỗ lực của các Sở, Ban, ngành và địa phương, KT-XH tiếp tục xu hướng phục hồi, tháng sau tích cực hơn tháng trước, quý sau cao hơn quý trước, cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát đề ra và đạt nhiều kết

quả quan trọng trên các lĩnh vực. Quy mô nền kinh tế (giá hiện hành) 112,5 nghìn tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người khoảng 74 triệu đồng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực¹. Ngành Du lịch có nhiều khởi sắc, khách du lịch tăng, đặc biệt là khách quốc tế². Hoạt động Dịch vụ diễn ra nhộn nhịp và ghi nhận mức tăng trưởng khá ở nhiều nhóm ngành³. Nông, lâm, thủy sản là những ngành tiếp tục phát triển ổn định với mức tăng trưởng hơn 3,5%; tích cực gỡ thẻ vàng IUU của Ủy ban châu Âu. Đầu tư phát triển tiếp tục đạt nhiều kết quả tốt⁴. Nhiều công trình trọng điểm, quan trọng có tính liên kết vùng được khởi công đầu tư, tạo sức lan tỏa phát triển KT-XH. Công tác quản lý thu NSNN đảm bảo kịp thời, đẩy mạnh chống thất thu thuế. Tình hình phát triển doanh nghiệp ngày càng tích cực hơn. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động là 1.536 doanh nghiệp, lớn hơn số giải thể và tạm ngừng hoạt động 1.196 doanh nghiệp. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng điểm so với năm trước. Công tác bảo đảm an sinh xã hội được tăng cường; tích cực chăm lo, hỗ trợ người có công, các đối tượng chính sách, người nghèo, người lao động bị mất việc, giảm giờ làm. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện. Quốc phòng an ninh trật tự được đảm bảo. Công tác đối ngoại được triển khai tích cực, chủ động...

1.2. Khó khăn, thách thức

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh vẫn còn một số tồn tại: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2023 chưa đạt so với chỉ tiêu đề ra (7,5-8%) do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 và đứt gãy chuỗi cung ứng thương mại dẫn đến hoạt động sản xuất của ngành gặp nhiều khó khăn. Hoạt động sản xuất kinh doanh có chuyển biến nhưng vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Một bộ phận doanh nghiệp thiếu đơn hàng, số doanh nghiệp tạm dừng hoạt động còn tăng; số dự án đầu tư trong nước và nước ngoài đều giảm. Ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô chưa hồi phục hoàn toàn do thị trường tiêu thụ bị thu hẹp,

sức cạnh tranh yếu so với các hãng xe khác trong nước và xe nhập khẩu.

Dịch vụ, du lịch phục hồi, phát triển tốt sau dịch nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Công tác xúc tiến đầu tư chưa đạt yêu cầu. Huy động vốn đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn, nhiều công trình trọng điểm thiếu vốn.

Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng tại nhiều địa phương còn chậm trễ, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án đầu tư và đời sống của người dân. Đa số các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh quy mô nhỏ, hạn chế trong việc tìm hiểu, tìm kiếm thông tin, đối tác, liên doanh liên kết để phát triển; chưa có chiến lược cũng như đầu tư thích đáng để khai thác các ứng dụng thương mại điện tử.

Tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế chưa được khắc phục triệt để. Công tác cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu. Một số địa phương miền núi vẫn còn thiếu giáo viên. Đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc.

Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Năng suất lao động thấp, tỷ lệ lao động chuyên môn kỹ thuật, đặc biệt lao động có trình độ kỹ thuật cao còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao hơn mức bình quân chung của cả nước⁵, trong tỉnh chưa xuất hiện nhân tố nổi trội thúc đẩy phát triển... nên dự báo các chỉ tiêu về KT-XH các năm còn lại sẽ không cao, khả năng hoàn thành các chỉ tiêu trong kế hoạch giai đoạn 2020-2025 là rất khó thực hiện.

2. Một số giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tỉnh Quảng Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2050

Thứ nhất, Tổ chức công bố và khẩn trương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đây là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong nhiệm kỳ tới. Các giải pháp phát triển KT-XH của tỉnh cần phải bám sát các nội dung trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh để triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Thứ hai, Phát triển công nghiệp bền vững theo chiều sâu, ưu tiên những ngành có lợi thế, có sức

cạnh tranh, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Mở rộng quy mô các ngành công nghiệp cơ khí, chế biến, chế tạo, vật liệu xây dựng, thực phẩm, đồ uống; tổ chức lại và nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác khoáng sản, công nghiệp dệt may, da giày, thủy điện; phát triển thêm các ngành công nghiệp mới như công nghiệp số, sản xuất vật liệu mới, công nghiệp silica, công nghiệp dược liệu. Hình thành các cụm ngành liên kết sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp, trong đó, cụm ngành cơ khí, công nghiệp phụ trợ mang tính tiêu biểu của cả nước. Thúc đẩy khởi công xây dựng Dự án Trung tâm khí điện miền Trung để đưa vào hoạt động; xúc tiến đầu tư vào khu công nghiệp khí điện với các ngành công nghiệp năng lượng và công nghiệp sử dụng năng lượng sạch, các ngành công nghiệp hóa chất và sản phẩm sau khí.

Thứ ba, Phát triển dịch vụ - du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Đa dạng hóa và tạo ra các sản phẩm du lịch mới; xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng phù hợp với lợi thế của tỉnh Quảng Nam như: văn hóa, nghỉ dưỡng biển, sinh thái, làng quê, thiên nhiên, cộng đồng. Trong đó, ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch có giá trị gia tăng cao và bền vững, gắn với tạo thương hiệu cạnh tranh lâu dài. Tạo môi trường du lịch tốt, đẩy mạnh hình thành chuỗi các trung tâm hàng lưu niệm và đặc sản của địa phương. Thực hiện kết nối một số điểm tham quan du lịch mới được hình thành và những điểm du lịch tiềm năng chưa được khai thác, liên kết thành chuỗi du lịch liên vùng nội tỉnh, liên tỉnh và khu vực. Đẩy mạnh xã hội hóa, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, nhất là chuỗi liên kết du lịch đáp ứng bộ tiêu chuẩn du lịch quốc tế, đi đôi với bảo tồn, phát triển di tích, di sản, nhất là di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An và Khu đền tháp Mỹ Sơn, Khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm, cảnh quan thiên nhiên, quảng bá hình ảnh, văn hóa con người Quảng Nam. Phát triển du lịch về phía Nam và phía Tây của tỉnh, ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng phù hợp với lợi thế của tỉnh. Đẩy mạnh liên kết khu vực, hình thành các tour, tuyến du lịch chung giữa các tỉnh, khu vực ASEAN và các nước.

Thứ tư, Đẩy nhanh tốc độ phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH hiện đại, đồng bộ, trọng tâm ưu tiên là các hạ tầng giao thông chiến lược như giao thông liên vùng Đông - Tây, sân bay Chu Lai, cảng biển, hạ tầng logistics, hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp. Tập trung xây dựng hoàn thành các công trình trọng điểm trong kế hoạch trung hạn 2020 - 2025. Tranh thủ sự ủng hộ của Tỉnh và các Bộ ngành Trung ương để đề xuất, tìm nguồn vốn đầu tư cho các công trình, dự án trong kế hoạch trung hạn 2020 - 2025 để làm tiền đề cho giai đoạn trung hạn 2026-2030. Kiến nghị Trung ương có các biện pháp tháo gỡ về cơ chế, chính sách để kêu gọi đầu tư phát triển hạ tầng giao thông theo hình thức PPP, tiếp tục bố trí nguồn vốn đầu tư công để mở rộng các quốc lộ qua địa bàn tỉnh, nhất là các tuyến kết nối Đông - Tây như Quốc lộ 14E, Quốc lộ 14B, Quốc lộ 14G, Quốc lộ 14D bằng nguồn vốn đầu tư công theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ.

Thứ năm, Chuyển đổi mạnh tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp gắn với thay đổi căn bản về cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Đẩy nhanh thực hiện cơ cấu lại ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa tập trung, an toàn, ứng dụng rộng rãi kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất; nghiên cứu chuyển đổi từ nền nông nghiệp sản xuất lương thực là chủ yếu sang nền nông nghiệp thực phẩm và cây dược liệu, gắn với công nghiệp chế biến.

Thứ sáu, Tập trung đẩy nhanh công tác giải ngân vốn đầu tư công, các nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia và phục hồi và phát triển KT-XH. Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, nhất là đối với các dự án trọng điểm, dự án do Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh⁶. Giải quyết nhanh các tồn tại, sớm ổn định thị trường vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh (đất, cát, đá...); đa dạng nguồn cung để giảm giá thành, qua đó giảm chi phí đầu tư các công trình, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động xây dựng các công trình trên địa bàn tỉnh.

Thứ bảy, Xây dựng cơ chế chính sách đột phá để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và lao động có kỹ năng gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động. Nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế, đặc biệt đối với các ngành trọng điểm về công nghiệp chế biến, chế tạo, xây dựng, du lịch, hàng không, cảng biển. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tăng cường kết nối giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và doanh nghiệp. Thu hút đầu tư các khu giáo dục đại học thực hành theo tiêu chuẩn quốc tế tại Quảng Nam để hình thành 02 trung tâm: Phía Bắc tại Điện Bàn gắn với Thành phố Đà Nẵng và phía Nam gắn với Khu kinh tế mở Chu Lai theo mô hình đô thị đại học.

Thứ tám, Kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ. Nâng cao tinh thần phục vụ của các cấp, các ngành, giảm thiểu phiền hà cho người dân, doanh nghiệp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; đề cao trách nhiệm người đứng đầu và trách nhiệm cá nhân của cán bộ, công chức, viên chức trong xử lý công việc; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân làm tốt, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân làm chưa tốt. Rà soát, thay thế hoặc điều chuyển sang công việc khác đối với cán bộ, công chức, viên chức năng lực yếu, không dám làm, né tránh, đùn đẩy, làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm, để trì trệ và không đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 theo đúng yêu cầu Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ. Hoàn thành xây dựng vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Triển khai toàn diện, đồng bộ cải cách hành chính. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực. Tập trung nâng cao, cải thiện thứ hạng các chỉ số đánh giá, xếp loại

của tỉnh: chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số về hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp (SIPAS).

Thứ chín, Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Ưu tiên đầu tư, khắc phục tình trạng thiếu thuốc, vật tư y tế, lương cán bộ nhân viên ngành Y tế và công tác vệ sinh an toàn thực phẩm. Tập trung giải quyết tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ, nhất là tình trạng thiếu giáo viên vùng sâu, vùng xa đảm bảo chất lượng dạy và học trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển miền núi.

Thứ mười, Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, phát triển khoa học công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông, nhất là truyền thông chính sách. Tiếp tục triển khai hiệu quả thực hiện Đề án 06, phấn đấu hoàn thành các tiện ích trên ứng dụng

VneID thay thế các giấy tờ công dân (thẻ bảo hiểm y tế, giấy phép lái xe, phiếu lý lịch tư pháp...) bảo đảm cắt giảm giấy tờ, thời gian đi lại và chi phí thực hiện.

Thứ mười một, Tăng cường công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, chú trọng công tác ngoại giao kinh tế, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước để đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư để giải quyết dứt điểm những bất cập nội tại kéo dài của nền kinh tế, song song với đó là các giải pháp lâu dài để thúc đẩy phục hồi nhanh sản xuất kinh doanh, nhất là trong các ngành có thế mạnh của tỉnh: công nghiệp (nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo), thương mại, du lịch, dịch vụ; gia tăng phát triển khu vực dịch vụ - du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, trong đó, ưu tiên phát triển các sản phẩm du lịch có giá trị gia tăng cao và bền vững, gắn với tạo thương hiệu cạnh tranh lâu dài, đồng thời đẩy nhanh tốc độ phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH hiện đại, đồng bộ, trọng tâm ưu tiên là các hạ tầng giao thông chiến lược như giao thông liên vùng Đông - Tây ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 14,8%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 29,8%; khu vực dịch vụ chiếm 35,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 19,8%.

²Tổng lượt khách tham quan, lưu trú hơn 7,5 triệu lượt, tăng gấp 1,6 lần; trong đó, khách quốc tế gần 3,9 triệu lượt, tăng 5,6 lần. Doanh thu du lịch đạt 7.950 tỷ đồng, tăng 2 lần.

³Tốc độ tăng trưởng ngành thương mại - dịch vụ hơn 4,6%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng hơn 71 nghìn tỷ đồng, tăng 13%.

⁴Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh ước đạt 34,9 nghìn tỷ đồng, bằng 31% so với GRDP.

⁵Dự kiến tỷ lệ hộ nghèo cả nước năm 2023 giảm còn dưới 3%

⁶Như Quốc (lộ 14E, Quốc lộ 1 đoạn phía Nam cầu Tam Kỳ)

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Tỉnh ủy tỉnh Quảng Nam (2023). Nghị quyết số 36-NQ/TU ngày 08/12/2023 của Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ năm 2024.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam (2023). Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2024.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2023). Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2023). Quyết định số 2647/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về một số giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.
5. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam (2023). Các báo cáo tình hình KT-XH của tỉnh Quảng Nam các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023.

Ngày nhận bài: 14/12/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 26/12/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 5/01/2024

Thông tin tác giả:

1. ThS. NGUYỄN NHƯ CÔNG

2. ThS. NGUYỄN VĂN VIÊN

3. ThS. LÊ QUANG HẢO

Văn phòng UBND tỉnh Quảng Nam

SOME ECONOMIC DEVELOPMENT SOLUTIONS UNTIL 2030 WITH A VISION TO 2050 FOR QUANG NAM PROVINCE

● Master. **NGUYEN NHU CONG**¹

● Master. **NGUYEN VAN VIEN**¹

● Master. **LE QUANG HAO**¹

¹Office of Quang Nam Provincial People's Committee

ABSTRACT:

Quang Nam province's economy is facing many challenges caused by the current global downturn and the COVID-19 pandemic. To overcome this difficult period, Quang Nam province has implemented many synchronous solutions, drastically eliminated difficulties, and promoted socio-economic development by striving to complete tasks assigned by the Government in the context of safe and flexible adaptation. This paper proposed some major economic development solutions until 2030 with a vision to 2050 for Quang Nam province.

Keywords: economic development, Quang Nam province.